

Số: /BC-SNN

Tuyên Quang, ngày tháng 3 năm 2020

(DỰ THẢO)

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Hình thức sản xuất nông nghiệp hữu cơ đã được ông cha ta thực hiện từ nhiều đời nay, người nông dân đã có tập quán sử dụng phân hữu cơ như phân chuồng, phân xanh và phế phụ phẩm từ cây trồng để sản xuất. Tuy nhiên theo chiều dài của lịch sử, sự thay đổi thổ nhưỡng, áp lực tăng dân số, đất canh tác hạn hẹp, nền nông nghiệp hữu cơ không thể đảm bảo an ninh lương thực cho nhu cầu tiêu dùng của con người. Do đó, nông nghiệp nước ta đã phải chuyển từ một nền nông nghiệp dựa vào đất, dựa vào hữu cơ sang một nền nông nghiệp dựa vào phân bón (chủ yếu là vô cơ). Phân bón hóa học như một yếu tố quan trọng của thâm canh góp phần làm nên những thành tựu to lớn của nông nghiệp thời gian qua, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới. Tuy tạo ra được số lượng nông sản lớn nhưng chất lượng chưa cao nên thu nhập của đại bộ phận người dân vẫn còn thấp do phải cạnh tranh với thị trường phân khúc giá rẻ. Ngoài ra, phương thức sản xuất thâm canh cao dựa trên nền phân bón và thuốc bảo vệ thực vật hóa học đã tạo ra năng suất trần không còn nhiều cơ hội để phát triển; đồng thời gây ô nhiễm môi trường (đất, nước, không khí) do sử dụng quá mức phân bón vô cơ và thuốc bảo vệ thực vật...

Sản xuất nông nghiệp hữu cơ cho phép khai thác tối ưu các nguồn tài nguyên như đất, năng lượng, các chất dinh dưỡng, các quá trình sinh học diễn ra trong tự nhiên với một phương pháp quản lý hợp lý nhất, tạo ra sản phẩm, đáp ứng nhu cầu về an toàn thực phẩm, đồng thời cũng đảm bảo cho hệ thống sản xuất bền vững về môi trường, xã hội và kinh tế.

Hiện nay Chính phủ đang nỗ lực thúc đẩy phát triển một nền nông nghiệp bền vững thân thiện với môi trường, nâng cao năng suất và sức cạnh tranh của

sản phẩm nông nghiệp, trong đó có sản phẩm nông nghiệp hữu cơ. Tại Hội nghị về thúc đẩy chế biến nông sản và cơ giới hóa nông nghiệp được tổ chức vào ngày 21/02/2020, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã nêu rõ yêu cầu về xây dựng một nền nông nghiệp tín nhiệm, đó là nông nghiệp sạch, an toàn, chất lượng, nông nghiệp hữu cơ.

Việc sản xuất nông sản hữu cơ, đáp ứng nhu cầu của thị trường đang thúc đẩy các nông hộ, hợp tác xã, doanh nghiệp đầu tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ, gia tăng giá trị và phát triển kinh tế nông nghiệp. Hiện nay các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp đang có xu hướng đầu tư mạnh mẽ vào sản xuất đối với nhiều đối tượng cây trồng và vật nuôi, trong đó đặc biệt chú trọng vào một số sản phẩm đặc hữu bản địa, có lợi thế cạnh tranh vùng miền, địa phương.

Với đặc điểm an toàn, đảm bảo vệ sinh thực phẩm và tốt cho sức khỏe con người, thực phẩm hữu cơ đang ngày càng được người tiêu dùng ưa chuộng; đáp ứng nhu cầu ăn ngon và bảo vệ môi trường đang trở thành xu hướng tiêu dùng tiên tiến hiện nay và trong thời gian tới. Tiêu thụ thực phẩm hữu cơ đã trở thành một xu hướng mới ở Việt Nam; thậm chí, trong vài năm trở lại đây, các sản phẩm hữu cơ đang tạo nên cơn sốt đối với một bộ phận người tiêu dùng. Tuy nhiên thị trường tiêu thụ sản phẩm hữu cơ trong nước còn gặp nhiều khó khăn; người tiêu dùng chưa biết nhiều đến những lợi ích mà sản phẩm hữu cơ mang lại, công tác truyền thông, thông tin chưa mạnh mẽ nên nhu cầu sử dụng sản phẩm hữu cơ ở trong nước chưa cao; giá bán sản phẩm hữu cơ còn cao so với mức sống của người dân nên tiêu thụ sản phẩm hữu cơ trong nước còn gặp nhiều khó khăn.

Về sản xuất trồng trọt: Tại Tuyên Quang, sản xuất trồng trọt hữu cơ bắt đầu được triển khai từ cuối năm 2017 đến nay, tỉnh đã tham gia thực hiện Dự án Tăng cường cơ cấu sản xuất và tiếp thị cho sản phẩm nông nghiệp hữu cơ ở phía Bắc Việt Nam (MOAP) của Hiệp hội Nông nghiệp hữu cơ Việt Nam do Tổ chức Phát triển Nông nghiệp Đan Mạch châu Á (ADDA) tài trợ. Hệ thống đảm bảo cùng tham gia (PGS) tại Tuyên Quang ra đời, đã tuyên truyền, hỗ trợ, thúc đẩy nông dân các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ của tỉnh trong việc áp dụng tiêu chuẩn hữu cơ và chứng nhận Hệ thống đảm bảo PGS. Đến hết năm 2019, toàn tỉnh đã có 30,1 ha cam, 29,0 ha bưởi được công nhận sản xuất hữu cơ theo tiêu chuẩn PGS trong giai đoạn chuyển đổi; 21 ha chè, 3,0 ha lúa được chứng nhận hữu cơ theo tiêu chuẩn TCVN 11041-2:2017; tổ chức sản xuất hữu cơ gắn với liên kết với các doanh nghiệp để tiêu thụ sản phẩm cho nông dân luôn được

quan tâm và đặt lên hàng đầu, tạo niềm tin và phong trào trong sản xuất trồng trọt hữu cơ. Tuy nhiên, hoạt động trồng trọt hữu cơ tại tỉnh ta đang diễn ra nhỏ lẻ, tự phát, chưa có doanh nghiệp đầu tư mở rộng sản xuất; sản phẩm làm ra chưa có thị trường tiêu thụ như sản phẩm bưởi hữu cơ chuyển đổi của Liên nhóm Yên Sơn; quy trình sản xuất khắt khe, nguồn vật tư đầu vào cho sản xuất chưa đa dạng, do vậy những người sản xuất trồng trọt hữu cơ tiên phong đang gặp rất nhiều khó khăn trong phát triển mở rộng sản xuất.

Về sản xuất chăn nuôi: Trong sản xuất chăn nuôi đã có sự chuyển biến rõ nét về tổ chức sản xuất, mô hình chăn nuôi trang trại, gia trại, tập trung theo chuỗi khép kín, quy mô lớn, công nghệ cao; chăn nuôi VietGAP, an toàn dịch bệnh được hình thành và nhân rộng; việc ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, đồng bộ trong sản xuất như: Sử dụng các giống tiến bộ, thức ăn công nghiệp, bán công nghiệp, các quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng, các hệ thống chuồng trại tiên tiến, các biện pháp phòng chống dịch bệnh..., cung cấp cho thị trường các sản phẩm bảo đảm an toàn thực phẩm phục vụ nhu cầu của người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, ngành chăn nuôi của tỉnh đang đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức, như: Phương thức chăn nuôi còn mang tính quảng canh, năng suất thấp, giá thành sản phẩm cao, chất lượng và an toàn thực phẩm chưa ổn định, sức cạnh tranh thấp, chưa tạo được thương hiệu trên thị trường; dịch bệnh xảy ra gây thiệt hại lớn cho người chăn nuôi; chăn nuôi nông hộ, quy mô nhỏ lẻ, phân tán, nằm xen kẽ trong khu dân cư....Hiện nay toàn tỉnh có 275 trang trại (chiếm khoảng 0,2%); trong đó: 01 trang trại chăn nuôi bò sữa được chứng nhận GlobalGAHP; 04 cơ sở chứng nhận VietGAP; 14 trang trại được cấp chứng nhận an toàn dịch bệnh; chưa có cơ sở chăn nuôi hữu cơ được chứng nhận;

Chăn nuôi hữu cơ hiện nay mới ở dạng sơ khai, chủ yếu đang tập trung áp dụng kỹ thuật để tăng năng suất, chăn nuôi theo tiêu chuẩn thực hành tốt, bước đầu mới được quan tâm thực hiện, với tỷ lệ khiêm tốn (chỉ chiếm khoảng 3% so với tổng sản lượng). Việc đáp ứng các điều kiện đối với chăn nuôi hữu cơ cũng đang đặt ra vấn đề đối với người chăn nuôi, vì chăn nuôi hữu cơ không chỉ đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn giống, thức ăn hữu cơ mà phải đảm bảo phúc lợi động vật trong chăn nuôi. Mặt khác chăn nuôi hữu cơ có yêu cầu thời gian dài, tăng trọng thấp, tiêu tốn nhiều thức ăn và nhân công, chi phí đầu tư lớn, thị trường tiêu thụ sản phẩm hữu cơ còn gặp nhiều khó khăn. Người tiêu dùng chưa biết

nhieu đến những lợi ích mà sản phẩm hữu cơ mang lại, công tác truyền thông, thông tin chưa mạnh mẽ nên nhu cầu chưa cao. Hiện, trên địa bàn chưa có mô hình, trang trại, cơ sở chăn nuôi được công nhận chăn nuôi hữu cơ.

Về nuôi trồng thủy sản: Hoạt động nuôi trồng thủy sản phát triển về cả diện tích, sản lượng và giá trị sản xuất. Đã tận dụng và phát huy lợi thế, tiềm năng diện tích đất, mặt nước các loại hình ao, hồ nhỏ, sông, hồ thủy lợi, hồ thủy điện để đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Sản lượng thủy sản năm 2019 đạt 8.625,4 tấn (tăng 7,3 % so với năm 2018).

Việc nuôi trồng thủy sản bán thâm canh và thâm canh đã dần được hình thành, tập trung tại một số khu vực của hạ huyện Sơn Dương, Yên Sơn và thành phố Tuyên Quang. Một số tổ chức, cá nhân đã áp dụng nuôi trồng thủy sản theo hướng VietGAP và dần chuyển đổi cơ cấu nuôi từ các loài cá truyền thống sang nuôi các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao như: Cá rô phi đơn tính, chép lai V1, cá Bống, cá Lăng chấm... Nhiều mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất mang lại hiệu quả được nhân rộng như: Mô hình nuôi cá quả, cá lăng nha trên hồ thủy điện; mô hình nuôi cá lăng chấm thương phẩm trong ao; mô hình nuôi cá chiên bằng lồng trên sông Lô.

Việc áp dụng các tiêu chuẩn trong nuôi trồng thủy sản tiên tiến, đảm bảo an toàn thực phẩm đã được người sản xuất quan tâm; hiện nay, trên địa bàn tỉnh đã có 03 tổ chức được cấp giấy chứng nhận nuôi trồng thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP với sản lượng đạt 256 tấn/năm; 02 cơ sở nuôi trồng thủy sản, thực hiện kiểm soát theo chuỗi, được Bộ Nông nghiệp và PTNT đưa vào danh sách địa chỉ xanh cung cấp thực phẩm sạch; hiện nay chưa có cơ sở thủy sản nào được chứng nhận hữu cơ.

Tuy nhiên, nuôi trồng thủy sản của tỉnh ta mới bắt đầu phát triển mạnh mẽ trong 10 năm trở lại đây; kinh nghiệm sản xuất còn hạn chế, việc đầu tư thâm canh sản xuất cho thủy sản còn gặp nhiều khó khăn, công tác tuyên truyền tập huấn chưa được triển khai, nhận thức của nông dân, doanh nghiệp còn sơ sài và chưa đúng về sản xuất thủy sản hữu cơ; quy trình sản xuất thủy sản hữu cơ khắt khe, cơ sở hạ tầng phục vụ cho chăn nuôi thủy sản còn thấp; hiện nay chưa có cơ sở chăn nuôi thủy sản nào sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ và được chứng nhận sản phẩm hữu cơ.

Để đẩy mạnh phát triển nông nghiệp hữu cơ ổn định, bền vững và hiệu quả, ngoài việc xây dựng cơ chế chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào

lĩnh vực sản xuất nông nghiệp hữu cơ; cần hướng dẫn, quảng bá về tiêu chuẩn, điều kiện kỹ thuật để sản xuất nông nghiệp hữu cơ cho nông dân hiểu, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện đảm bảo sản xuất nông nghiệp hữu cơ có hiệu quả. Đồng thời tuyên truyền về lợi ích của việc sử dụng sản phẩm hữu cơ, thông báo rõ sản phẩm có thương hiệu, xuất xứ sản phẩm, nơi bán sản phẩm để người tiêu dùng yên tâm mua và sử dụng.

Nhìn chung, sản xuất nông nghiệp hữu cơ hiện nay trên địa bàn tỉnh mới đang ở giai đoạn đầu phát triển, các chính sách cụ thể để hỗ trợ cho phát triển nông nghiệp hữu cơ chưa nhiều. Hơn nữa, sản phẩm nông nghiệp hữu cơ của nông dân chưa được chứng nhận để đưa ra thị trường đúng với chất lượng. Nhận thức của người sản xuất, người tiêu dùng và của cộng đồng về nông nghiệp hữu cơ còn hạn chế...

Để nâng cao được giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong sản xuất nông nghiệp, việc khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ là việc làm cần thiết để tạo điều kiện cho nông dân, doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất, nâng cao giá trị sản xuất, bền vững, thân thiện với môi trường. Do vậy, việc ban hành chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là yêu cầu cần thiết đối với phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững, thích ứng với tình hình mới hiện nay.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Ban hành chính sách khuyến khích triển triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thực hiện theo Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ để áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, góp phần động viên, khích lệ, thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã, các hộ nông dân đầu tư vào sản xuất nông nghiệp hữu cơ để tạo ra sản phẩm hữu cơ đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, bảo vệ sức khỏe con người, bảo vệ môi trường sinh thái, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ và thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Các vấn đề bất cập

Sản xuất nông nghiệp hữu cơ hiện nay còn nhỏ lẻ, tự phát, chưa có quy hoạch, quy định hay định hướng về vùng sản xuất, khu vực sản xuất dành cho nông

nghiệp hữu cơ; đất, nước hay đối tượng cây trồng đưa vào sản xuất hữu cơ thiếu chắc chắn, có nguy cơ không đáp ứng được các tiêu chuẩn về sản xuất hữu cơ.

Sản phẩm sản xuất theo các tiêu chuẩn hữu cơ còn ít, hiện nay mới chỉ có 82,1 ha cây trồng trên địa bàn tỉnh áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ. Chưa có doanh nghiệp tham gia đầu tư vào sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh. Hiện nay mới chỉ có 02 mô hình chè, lúa được chứng nhận hữu cơ theo tiêu chuẩn TCVN11041: 2017; chứng nhận, giám sát chất lượng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, lòng tin của người tiêu dùng chưa được đảm bảo. Kinh phí chứng nhận sản phẩm hữu cơ cao; người sản xuất chưa mạnh dạn đầu tư kinh phí để chứng nhận sản phẩm hữu cơ.

Công tác đào tạo, tập huấn kỹ thuật về sản xuất nông nghiệp hữu cơ còn nhiều hạn chế. Trình độ sản xuất và khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất hữu cơ còn thấp, việc kiểm soát dịch bệnh, chất lượng sản phẩm còn gặp nhiều khó khăn; việc truyền thông, thông tin về lợi ích cũng như vai trò của sản xuất nông nghiệp hữu cơ chưa mạnh mẽ, người sản xuất cũng như người tiêu dùng chưa biết nhiều đến những lợi ích mà sản phẩm hữu cơ mang lại, nên nhu cầu về sản phẩm hữu cơ trong nước chưa cao, thị trường cho sản phẩm hữu cơ chưa ổn định.

Việc thực hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ còn ít hoặc chưa có do chi phí đầu tư thực hiện các mô hình hữu cơ lớn, việc áp dụng thực hiện các tiêu chuẩn theo quy định về sản xuất hữu cơ rất khắt khe, đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ. Nên việc hỗ trợ xây dựng, nhân rộng mô hình là rất cần thiết để khuyến khích người dân tham gia thực hiện, đồng thời đây là bước đầu thay đổi thói quen, tập quán, phương thức sản xuất.

Hội Nông nghiệp hữu cơ Tuyên Quang mới đi vào hoạt động, với mục tiêu nhằm tập hợp các tổ chức, cá nhân trong tỉnh, có tâm huyết, đã và đang tham gia vào việc phát triển nông nghiệp hữu cơ của tỉnh, hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau như: Tuyên truyền, đào tạo tập huấn, sản xuất, chế biến, kinh doanh, cấp giấy chứng nhận, quảng bá và sử dụng sản phẩm hữu cơ. Hội được thành lập trên nguyên tắc tự nguyện, nhằm phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của hội viên, đóng góp những ý kiến thực tiễn vào quá trình xây dựng chính sách liên quan đến nông nghiệp hữu cơ của tỉnh. Tuy nhiên, do mới thành lập từ tháng 4/2018, việc tổ chức đi vào hoạt động của Hội còn gặp nhiều khó khăn, năng lực hoạt động còn hạn chế; kinh phí để hoạt động gặp nhiều khó khăn cùng với đó là Hệ thống đảm bảo cùng tham gia PGS của Tuyên Quang đã được thiết lập và đi vào hoạt động, đây là một Hệ thống tự

công bố chất lượng và đảm bảo chất lượng nội bộ; sản phẩm được xác nhận sự tuân thủ dựa vào sự tham gia tích cực của các bên liên quan bao gồm cả người sản xuất và người tiêu dùng trong hệ thống. Hiện nay việc mở rộng hoạt động, nâng cao năng lực và tuyên truyền về vai trò của Hệ thống PGS tại Tuyên Quang còn ít người biết đến.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ và điều kiện thực tế tại địa phương, nhất là tình hình nhu cầu sản xuất, nhu cầu tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ và sự khó khăn của nông dân và doanh nghiệp trong phát triển mở rộng sản xuất hữu cơ để nghiên cứu, vận dụng các hình thức hỗ trợ từ các chính sách của tỉnh đã ban hành, trên cơ sở các sản phẩm chủ lực, đặc hữu của địa phương đề xuất chính sách hỗ trợ cụ thể đối với nông dân, chủ trang trại, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các doanh nghiệp thực hiện sản xuất hữu cơ một cách hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

Nhằm khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, trong đó đề xuất nội dung và mức hỗ trợ, nguồn vốn hỗ trợ dự thảo chính sách như sau:

3.1. Chính sách 1: Hỗ trợ 100% kinh phí xác định khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ, gồm: Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước. Mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/khu vực/tổ chức, cá nhân.

3.1.1. Xác định vấn đề bất cập

Do là tỉnh miền núi, sản xuất nông nghiệp manh mún, nhỏ lẻ, sản xuất theo tập quán, thói quen, việc tùy tiện trong việc chấp hành các quy trình, quy phạm của sản xuất còn khá phổ biến; với những vùng sản xuất thâm canh cao, trước đây đã sử dụng nhiều phân bón hóa học và hóa chất bảo vệ thực vật khi chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ cần phải được kiểm tra, đánh giá xác định các điều kiện trước khi đưa vào sản xuất hữu cơ.

3.1.2. Mục tiêu giải quyết

Xác định khu vực sản xuất hữu cơ, phân tích các mẫu đất, mẫu nước đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn sản xuất hữu cơ cho các diện tích có nhu cầu chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ.

3.1.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

- *Phương án 1* Hỗ trợ 100% kinh phí xác định khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ, gồm: Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước. Mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/khu vực/tổ chức, cá nhân. Mức hỗ trợ không quá 75 triệu đồng/tổ chức.

- *Phương án 2* Hỗ trợ 100% kinh phí xác định khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ, gồm: Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước. Mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/khu vực/tổ chức, cá nhân. Mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/tổ chức.

3.1.4. Đánh giá tác động của giải pháp

a) Phương án 1:

- Việc hỗ trợ khảo sát địa hình, xác định khu vực sản xuất hữu cơ, phân tích các mẫu đất, mẫu nước đủ điều kiện sản xuất hữu cơ cho các diện tích có nhu cầu chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ, bước đầu hỗ trợ nhóm nông dân, doanh nghiệp, hợp tác xã phát triển mở rộng sản xuất nông nghiệp hữu cơ của tỉnh. Tuy nhiên, chưa thúc đẩy được tính chủ động trong việc đổi mới sản xuất; tăng chi ngân sách nhà nước.

- Kinh phí dự kiến triển khai thực hiện: 4,875 tỷ đồng.

b) Phương án 2: Hỗ trợ nhóm nông dân, doanh nghiệp, hợp tác xã chủ động phát triển mở rộng sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Khuyến khích được người sản xuất tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ, không trông chờ, ỷ lại nhà nước. Tuy nhiên việc khảo sát đánh giá điều kiện sản xuất sẽ gặp khó khăn đối với các tổ chức, cá nhân muốn đầu tư cho sản xuất hữu cơ, nhưng tiềm lực kinh tế chưa đáp ứng đủ sẽ khó thu hút, khuyến khích được sản xuất hữu cơ.

- Kinh phí dự kiến triển khai thực hiện: 3,25 tỷ đồng.

3.1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Thực hiện theo Phương án 2, sẽ khuyến khích, phát triển mở rộng sản xuất hữu cơ trên địa bàn tỉnh và phát huy tính chủ động của người sản xuất, tiết kiệm ngân sách cho nhà nước.

Cụ thể: Hỗ trợ 100% kinh phí xác định khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ, gồm: Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước. Mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/khu vực/tổ chức, cá nhân.

- Kinh phí dự kiến triển khai thực hiện: 3,25 tỷ đồng.

3.2. Chính sách 2: Hỗ trợ cấp giấy chứng nhận sản phẩm hữu cơ: Hỗ trợ một lần 100% kinh phí cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn về nông nghiệp hữu cơ do tổ chức chứng nhận cấp (cấp lần đầu hoặc cấp lại).

3.2.1. Xác định vấn đề bất cập

Chứng nhận hữu cơ nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất nông nghiệp nói chung và sản xuất hữu cơ nói riêng, góp phần gia tăng giá trị và chất lượng sản phẩm hàng hóa. Tuy nhiên, chi phí để được cấp chứng nhận sản phẩm hữu cơ cho sản phẩm hiện nay cao, giá bán sản phẩm hữu cơ chưa ổn định, thị trường tiêu thụ chưa có; người sản xuất chưa mạnh dạn đầu tư kinh phí để chứng nhận hữu cơ.

3.2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hỗ trợ kinh phí chứng nhận hữu cơ để khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong phát triển sản xuất sản phẩm hữu cơ. Sản phẩm được chứng nhận hữu cơ thể hiện sự cam kết mạnh mẽ với khách hàng, người tiêu dùng và cộng đồng về chất lượng sản phẩm.

3.2.3. Các đề xuất

- *Phương án 1:* Hỗ trợ cấp giấy chứng nhận sản phẩm hữu cơ: Hỗ trợ một lần 100% kinh phí cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn về nông nghiệp hữu cơ do tổ chức chứng nhận cấp (cấp lần đầu hoặc cấp lại). Mức hỗ trợ không quá 150 triệu đồng/tổ chức, cá nhân đối với giấy chứng nhận do tổ chức trong nước cấp và không quá 300 triệu đồng/tổ chức, cá nhân đối với giấy chứng nhận do tổ chức quốc tế cấp.

- *Phương án 2:* Hỗ trợ cấp giấy chứng nhận sản phẩm hữu cơ: Hỗ trợ một lần 100% kinh phí cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn về nông nghiệp hữu cơ do tổ chức chứng nhận cấp (cấp lần đầu hoặc cấp lại). Mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/tổ chức, cá nhân đối với giấy chứng nhận do tổ chức trong nước cấp và không quá 450 triệu đồng/tổ chức, cá nhân đối với giấy chứng nhận do tổ chức quốc tế cấp.

3.2.4. Đánh giá tác động của giải pháp

a) Phương án 1

Chính sách được áp dụng khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia vào chứng nhận sản phẩm hữu cơ, thuận lợi cho việc phân biệt sản phẩm hữu cơ và sản phẩm thông thường, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm; khuyến khích phát triển mở rộng sản xuất hữu cơ, tạo tiền đề thúc đẩy sản xuất hữu cơ phát triển. Tuy nhiên phương án này làm tăng chi ngân sách nhà nước.

- Kinh phí dự kiến triển khai thực hiện: 11,70 tỷ đồng.

b) Phương án 2

Chính sách được áp dụng hỗ trợ một phần kinh phí cho tổ chức, cá nhân sản xuất hữu cơ trên địa bàn để chứng nhận hữu cơ. Tuy nhiên việc chứng nhận hữu cơ sẽ gặp khó khăn đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất hữu cơ kinh tế còn hạn hẹp; khó khăn cho khuyến khích phát triển mở rộng sản xuất hữu cơ; tiết kiệm ngân sách nhà nước.

- Kinh phí dự kiến triển khai thực hiện: 16,25 tỷ đồng.

3.2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Thực hiện theo Phương án 1, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất hữu cơ, chứng minh nguồn gốc của sản phẩm hữu cơ trên địa bàn tỉnh.

Cụ thể: Hỗ trợ cấp giấy chứng nhận sản phẩm hữu cơ: Hỗ trợ một lần 100% kinh phí cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn về nông nghiệp hữu cơ do tổ chức chứng nhận cấp (cấp lần đầu hoặc cấp lại). Mức hỗ trợ không quá 150 triệu đồng/tổ chức, cá nhân đối với giấy chứng nhận do tổ chức trong nước cấp và không quá 300 triệu đồng/tổ chức, cá nhân đối với giấy chứng nhận do tổ chức quốc tế cấp.

- Kinh phí dự kiến triển khai thực hiện: 11,70 tỷ đồng.

3.3. Chính sách 3: Hỗ trợ đào tạo, tập huấn, xây dựng và nhân rộng sản xuất hữu cơ

3.3.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay việc đào tạo, tập huấn kỹ thuật về sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại tỉnh còn ít và nhiều hạn chế. Trình độ sản xuất và khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất hữu cơ còn thấp, việc kiểm soát dịch bệnh, chất lượng sản phẩm còn gặp nhiều khó khăn; hiểu biết của người sản xuất và người tiêu dùng về những lợi ích mà sản phẩm hữu cơ mang lại còn rất hạn chế, nên việc phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại Tuyên Quang còn chậm và gặp rất nhiều khó khăn. Diện tích sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại tỉnh còn rất ít hoặc chưa có do chi phí đầu tư cho thực hiện các mô hình hữu cơ lớn, việc áp dụng thực hiện các tiêu chuẩn theo quy định về sản xuất hữu cơ rất khắt khe, đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ. Nên việc hỗ trợ đào tạo, tập huấn và xây dựng, nhân rộng sản xuất là rất cần thiết để khuyến khích người dân tham gia thực hiện, đồng thời đây là bước đầu thay đổi thói quen, tập quán, phương thức sản xuất.

3.3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Từng bước thay đổi nhận thức của các cấp quản lý và người sản xuất, người tiêu dùng về tầm quan trọng của sản xuất hữu cơ và việc sử dụng các sản phẩm hữu cơ đối với sức khỏe cộng đồng, đến môi trường và sức cạnh tranh của sản phẩm hữu cơ; Giúp người sản xuất hiểu, áp dụng đúng quy trình, quy chuẩn sản xuất hữu cơ. Việc tổ chức đào tạo, tập huấn và xây dựng nhân rộng sản xuất hữu cơ là rất cần thiết.

3.3.3. Các đề xuất

- Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo, tập huấn về sản xuất hữu cơ; định mức hỗ trợ thực hiện theo quy định của Chính phủ về khuyến nông.

Kinh phí dự kiến triển khai thực hiện: 1,95 tỷ đồng.

- Hỗ trợ 70 % kinh phí xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất hữu cơ: Chi phí giống kháng sâu bệnh, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học đối với mô hình trồng trọt; chi phí giống, thức ăn hữu cơ, thuốc thú y được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ và chi phí nhân rộng mô hình theo quy định của Chính phủ về khuyến nông. Mức hỗ trợ không quá 400 triệu đồng/mô hình.

Kinh phí dự kiến triển khai thực hiện: 10,40 tỷ đồng.

3.4. Chính sách 4: Hỗ trợ một lần lãi suất vốn vay để thực hiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ gắn với tiêu thụ sản phẩm. Mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất theo dư nợ thực tế của hợp đồng vay vốn giữa tổ chức, cá nhân với ngân hàng nhưng không quá 5,0 tỷ đồng/tổ chức, cá nhân. Thời gian cho vay không quá 60 tháng, thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời gian vay vốn nhưng không quá 48 tháng.

3.4.1. Xác định vấn đề bất cập

Sản xuất nông nghiệp hữu cơ hiện nay còn nhỏ lẻ, tự phát, các mô hình nông nghiệp hữu cơ còn rất ít hoặc chưa có, chi phí đầu tư cho thực hiện các mô hình hữu cơ lớn, việc áp dụng thực hiện các tiêu chuẩn theo quy định về sản xuất hữu cơ rất khắt khe và đồng bộ. Nên việc hỗ trợ vốn vay để khuyến khích xây dựng, nhân rộng mô hình hữu cơ là rất cần thiết.

3.4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hỗ trợ các cá nhân, tổ chức lãi suất vốn vay để đầu tư sản xuất, áp dụng thực hiện đầy đủ, đồng bộ các tiêu chuẩn theo quy định về sản xuất hữu cơ, thúc đẩy phát triển nghiệp hữu cơ của tỉnh.

3.4.3. Các đề xuất

- *Phương án 1*: Hỗ trợ một lần 100% lãi suất vốn vay để thực hiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ gắn với tiêu thụ sản phẩm. Mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất theo dư nợ thực tế của hợp đồng vay vốn giữa tổ chức, cá nhân với ngân hàng nhưng không quá 5,0 tỷ đồng/tổ chức, cá nhân. Thời gian cho vay không quá 60 tháng, thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời gian vay vốn nhưng không quá 48 tháng.

- *Phương án 2*: Hỗ trợ một lần 80% lãi suất vốn vay để thực hiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ gắn với tiêu thụ sản phẩm. Mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất theo dư nợ thực tế của hợp đồng vay vốn giữa tổ chức, cá nhân với ngân hàng nhưng không quá 5,0 tỷ đồng/tổ chức, cá nhân. Thời gian cho vay không quá 60 tháng, thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời gian vay vốn nhưng không quá 48 tháng.

- *Phương án 3*: Hỗ trợ một lần 50% lãi suất vốn vay để thực hiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ gắn với tiêu thụ sản phẩm. Mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất theo dư nợ thực tế của hợp đồng vay vốn giữa tổ chức, cá nhân với ngân hàng nhưng không quá 5,0 tỷ đồng/tổ chức, cá nhân. Thời gian cho vay không quá 60 tháng, thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời gian vay vốn nhưng không quá 48 tháng.

3.4.4. Đánh giá tác động của giải pháp

- *Phương án 1*: Hỗ trợ 100 % lãi suất vốn vay sẽ thu hút, khuyến khích được các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất hữu cơ, áp dụng thực hiện đầy đủ, đồng bộ các tiêu chuẩn theo quy định về sản xuất hữu cơ, thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ của tỉnh. Tuy nhiên phương án này tăng chi ngân sách của tỉnh, chưa huy động được các nguồn lực từ người sản xuất.

Kinh phí dự kiến triển khai thực hiện: 22,0 tỷ đồng.

- *Phương án 2*: Hỗ trợ 80 % lãi suất vốn vay sẽ khuyến khích thúc đẩy được các tổ chức, cá nhân vốn vay để đầu tư sản xuất hữu cơ, huy động được các nguồn lực từ người sản xuất, hạn chế việc người sản xuất trông chờ vào nhà nước.

Kinh phí dự kiến triển khai thực hiện: 17,60 tỷ đồng.

- *Phương án 3*: Hỗ trợ 50 % lãi suất vốn vay sẽ không thu hút được nhiều tổ chức, cá nhân đầu tư vào sản xuất hữu cơ, Tuy nhiên phương án này sẽ hạn chế chi ngân sách của tỉnh và huy động được tối đa các nguồn lực từ người sản xuất.

Kinh phí dự kiến triển khai thực hiện: 11,0 tỷ đồng.

3.4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Thực hiện theo Phương án 2, thúc đẩy, phát triển mở rộng sản xuất hữu cơ trên địa bàn tỉnh và thu hút các nguồn lực của người sản xuất, tiết kiệm một phần ngân sách cho tỉnh.

Cụ thể: Hỗ trợ một lần 80% lãi suất vốn vay để thực hiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ gắn với tiêu thụ sản phẩm. Mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất theo dư nợ thực tế của hợp đồng vay vốn giữa tổ chức, cá nhân với ngân hàng nhưng không quá 5,0 tỷ đồng/tổ chức, cá nhân. Thời gian cho vay không quá 60 tháng, thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời gian vay vốn nhưng không **quá 48 tháng**.

Kinh phí dự kiến triển khai thực hiện: 17,60 tỷ đồng.

4. Đánh giá tác động của giải pháp

Các chính sách được nêu cụ thể trong quy định này sẽ giúp cho quá trình triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ được công khai, minh bạch, dễ áp dụng. Dự thảo Nghị quyết đã bám sát thực tiễn trong việc phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ nhằm tạo điều kiện thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại và người nông dân đầu tư vào sản xuất hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4.1. Tác động đến hệ thống pháp luật hiện hành

Chính sách được ban hành theo đúng quy định, trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp; đồng thời tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại và người nông dân dễ dàng tiếp cận với các quy định của pháp luật một cách tập trung, thống nhất khi tham gia thực hiện chính sách.

4.2. Tác động đến nguồn lực đảm bảo thi hành

Nguồn vốn thực hiện chính sách hỗ trợ gồm: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư; Chương trình Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đối với HTX; chương trình, dự án về khuyến nông, Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp, ngân sách tỉnh và nguồn vốn chương trình, dự án hợp pháp khác.

Trong quá trình thực hiện, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT cân đối, bố trí, xác định nhu cầu kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách đảm bảo kịp thời, đúng chế độ và theo đúng quy định.

4.3. Tác động đến đối tượng chịu sự tác động

Việc thi hành quy định này sẽ góp phần giải quyết những khó khăn của các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại và người nông dân trong việc phát triển sản xuất hữu cơ trên địa bàn tỉnh.

4.4. Tác động đối với kinh tế

Chính sách được thực hiện sẽ thu hút thêm các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại và người nông dân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tạo ra nhiều sản phẩm hữu cơ theo hướng bền vững, tạo thêm việc làm cho người lao động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

4.5. Tác động đối với xã hội

Chính sách được ban hành sẽ thúc đẩy phát triển sản xuất hữu cơ, tạo ra nhiều sản phẩm hữu cơ phục vụ nhu cầu người tiêu dùng; đảm bảo sức khỏe người sản xuất và người tiêu dùng; giải quyết được việc làm cho người lao động, góp phần tăng thu nhập, nâng cao mức sống cho người nông dân trên địa bàn tỉnh.

4.6. Tác động đối với môi trường

Trong quá trình triển khai thực hiện sản xuất hữu cơ các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại và người nông dân phải thực hiện các tiêu chuẩn về sản xuất hữu cơ là đã góp phần vào tiến trình sản xuất nông nghiệp bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái.

4.7. Đối với cơ quan quản lý ở Trung ương và địa phương

Việc ban hành chính sách này sẽ tạo khuôn khổ pháp luật thống nhất, phù hợp với thực tế và khắc phục những tồn tại, hạn chế của các chính sách đã ban hành.

5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra và giải quyết vướng mắc trong việc thực hiện chính sách theo đúng các quy định.

III. LẤY Ý KIẾN

1. Xin ý kiến Bộ Nông nghiệp và PTNT; Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang.

Phương pháp lấy ý kiến: Gửi văn bản và hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết để xin ý kiến.

2. Kết quả xin ý kiến Hiệp hội nông nghiệp hữu cơ Việt Nam, Hội nông nghiệp hữu cơ Tuyên Quang, các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia sản xuất nông nghiệp.

Phương pháp lấy ý kiến: Gửi văn bản và hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết để xin ý kiến.

3. Ý kiến tham gia, góp ý của các Sở, Ban, Ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố.

Phương pháp lấy ý kiến: Gửi văn bản và hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết để xin ý kiến.

4. Xin ý kiến nhân dân khác: Đăng tải trên Công thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang.

IV. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

Kinh phí dự kiến thực hiện: 44,9 tỷ đồng. Trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ xác định khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ: 3,25 tỷ đồng.
- Kinh phí hỗ trợ cấp giấy chứng nhận sản phẩm hữu cơ: 11,7 tỷ đồng.
- Kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn, xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất hữu cơ: 12,35 tỷ đồng.
- Kinh phí hỗ trợ lãi suất vốn vay đầu tư sản xuất hữu cơ: 17,6 tỷ đồng.

V. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Kiểm tra, hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại và người nông dân thực hiện Nghị quyết.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, đề xuất kế hoạch kinh phí hỗ trợ của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại và người nông dân vào dự toán phân bổ từ nguồn kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư; Chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đối với HTX; chương trình, dự án về khuyến nông, Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp...

- Phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan thẩm định, trình UBND tỉnh cấp quyết định hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại và người nông dân; phối hợp nghiệm thu dự án hoàn thành khi

có đề nghị của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại và người nông dân.

2. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, đề xuất kế hoạch kinh phí hỗ trợ thẩm định các dự án thuộc đối tượng của các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại và người nông dân vào dự toán ngân sách tỉnh hàng năm báo cáo UBND tỉnh. Phối hợp thẩm định các dự án thuộc đối tượng hỗ trợ của chính sách.

- Tổ chức thẩm định hồ sơ hỗ trợ sau đầu tư, cấp kinh phí, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định. Theo dõi việc sử dụng kinh phí hỗ trợ, tham mưu cho UBND tỉnh điều hành kinh phí hỗ trợ đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và Nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, đề xuất kế hoạch kinh phí hỗ trợ thực hiện của các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại và người nông dân vào dự toán phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất kế hoạch kinh phí hỗ trợ của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại và người nông dân vào dự toán ngân sách tỉnh hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định, nghiệm thu các dự án thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết đảm bảo đúng quy định hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, đề xuất kế hoạch kinh phí hỗ trợ của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại và người nông dân.

- Thường xuyên theo dõi, tổng hợp, định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo UBND tỉnh tình hình, kết quả thực hiện chính sách.

4. Các Sở: Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định các dự án thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết đảm bảo đúng tiến độ, thời gian; phối hợp nghiệm thu các dự án hoàn thành.

- Hướng dẫn và thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, đất đai, môi trường, khoa học - công nghệ theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định các dự án thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết đảm bảo đúng tiến độ, thời gian; phối hợp nghiệm thu các dự án hoàn thành.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các dự án được hỗ trợ theo Nghị quyết trên địa bàn quản lý. Giải quyết vướng mắc liên quan trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết theo thẩm quyền tại địa bàn quản lý.

6. Hội Nông dân tỉnh, Hội Nông nghiệp hữu cơ tỉnh

- Tuyên truyền, triển khai cơ chế, chính sách đến các hội viên.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, Ngành liên quan triển khai, thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

7. Ủy ban Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội tỉnh

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách.

VI. Phụ lục

Kinh phí triển khai thực hiện (*chi tiết theo phụ lục gửi kèm*)

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các sở, ngành liên quan;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Giám đốc Sở;
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu VT, PTNT.

**KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đại Thành

DỰ TOÁN KINH PHÍ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỮU CƠ

(Kèm theo Báo cáo số /BC- SNN ngày /3/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Tổng
1	Hỗ trợ 100% kinh phí xác định khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ, gồm: Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước do cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/khu vực/tổ chức, cá nhân.	Khu vực sản xuất/ tổ chức, cá nhân	65	50	3.250
2	Hỗ trợ cấp giấy chứng nhận sản phẩm hữu cơ: Hỗ trợ một lần 100% kinh phí cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn về nông nghiệp hữu cơ do tổ chức chứng nhận cấp (cấp lần đầu hoặc cấp lại). Mức hỗ trợ không quá 150 triệu đồng/tổ chức, cá nhân đối với giấy chứng nhận do tổ chức trong nước cấp và không quá 300 triệu đồng/tổ chức, cá nhân đối với giấy chứng nhận do tổ chức quốc tế cấp.	Giấy chứng nhận/tổ chức, cá nhân	65		11.700
3	Hỗ trợ đào tạo, tập huấn, xây dựng và nhân rộng sản xuất hữu cơ				12.350
	a) Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo, tập huấn về sản xuất hữu cơ; định mức hỗ trợ thực hiện theo quy định của Chính phủ về khuyến nông.	Lớp	65	30	1.950
	b) Hỗ trợ 70 % kinh phí xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất hữu cơ: Chi phí giống kháng sâu bệnh, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học đối với mô hình trồng trọt; chi phí giống, thức ăn hữu cơ, thuốc thú y được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ và chi phí nhân rộng mô hình theo quy định của Chính phủ về khuyến nông. Mức hỗ trợ không quá 400 triệu đồng/mô hình.	Mô hình	26	400	10.400

4	Hỗ trợ lãi suất vốn vay đầu tư: Hỗ trợ 01 lần 80% lãi suất vốn vay để thực hiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ gắn với tiêu thụ sản phẩm. Mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất theo dư nợ thực tế của hợp đồng vay vốn giữa tổ chức, cá nhân với ngân hàng nhưng không quá 5,0 tỷ đồng/tổ chức, cá nhân. Thời gian cho vay không quá 60 tháng, thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời gian vay vốn nhưng không quá 48 tháng.	Hợp đồng vay vốn/tổ chức, cá nhân	11	1.600	17.600,0
TỔNG					44.900,0